TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2018/HSST
Ngày 21-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thắng.

Bà Nguyễn Thị Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Hải - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dần - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/HSST ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Trương Minh M, sinh năm 1977 tại Cà Mau. Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; Chỗ ở: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn L (Chết) và bà Nguyễn Thị K; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 13/12/2017, đến ngày 22/12/2017 sau đó cho tại ngoại cho đến nay. (Bị cáo có mặt).

Người bị hại:

Anh **Nguyễn Minh Q,** sinh năm 1990 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 134, Nguyễn Chí Thanh, khu phố 2, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh **Ngô Lý E (Tỷ),** sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 13/12/2017 Nguyễn Minh Q điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 68B- 00720 đi từ thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau về phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Khi đến cửa hàng bách hóa Hồng Đào thuộc khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, lúc này Trương Minh M kêu xe dừng lại, M hỏi Q có phải xe chạy về Kiên Giang không thì Q trả lời phải, nên M nói có gởi 2.000.000 đồng về Rạch Sỏi, Kiên Giang có người nhận, Q đồng ý và nhận tiền rồi điều kiển xe chạy về hướng Cà Mau, lúc này M nghi ngờ Q lừa đảo nên lấy xe chạy theo Q đến khóm 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, M kêu xe dừng lại, thì Q cho xe dừng lại, lúc này M chửi thề "đụ mẹ đồ lừa đảo", Q ngồi trên xe và hạ kính xuống trên tay trái Q còn cầm 2.000.000 đồng của M vừa gửi và 01 điện thoại Sam sung hiệu J7 của Q, M dùng tay giật lấy tiền và điện thoại của Q rồi lên xe chạy về khóm 7, thị trấn T đón xe về Kiên Giang gửi số tiền trên, còn điện thoại M đem về nhà cất giữ. Sau khi sự việc xảy ra Q đến Công an thị trấn T trình báo sự việc, Trương Minh M bị bắt tạm giữ và thu hồi 01 điện thoại Sam sung hiệu J7 của Q, qua làm việc M thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá số 92 ngày 19/12/2017 của Hội đồng định giá huyện T, kết luận 01 điện thoại Sam sung hiện J7 có giá trị là 3.933.000 đồng.

Tang vật thu giữ: 01 điện Thoại Sam sung J7. Điện thoại hiện nay đã giao trả lại cho Q xong.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì.

Bản cáo trạng số 15/KSĐT-KT ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo M về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo M về tội "Cướp giật tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo M khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 13 giờ ngày 13/12/2017 Nguyễn Minh Q điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 68B- 00720 đi từ thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau về phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Khi đến cửa hàng bách hóa Hồng Đào thuộc khóm 7, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, lúc này Trương Minh M kêu xe dừng lại, M hỏi Q có phải xe chạy về Kiên Giang không thì Q trả lời phải, nên M nói có gởi 2.000.000 đồng về Rạch Sỏi, Kiên Giang có người nhận, Q đồng ý và nhận tiền rồi điều kiển xe chạy về hướng Cà Mau, lúc này M nghi ngờ Q lừa đảo nên lấy xe chạy theo Q đến khóm 8, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau, M kêu xe dừng lại, thì Q cho xe dừng lại, lúc này M chửi thề "đụ mẹ đồ lừa đảo", Q ngồi trên xe và hạ kính xuống trên tay trái Q còn cầm 2.000.000 đồng của M vừa gửi và 01 điện thoại Sam sung hiệu J7 của Q, M dùng tay giật lấy tiền và điện thoại của Q rồi lên xe chạy về khóm 7, thị trấn T đón xe về Kiên Giang gửi số tiền trên, còn điện thoại M đem về nhà cất giữ. Điện thoại Sam sung hiệu J7 được định giá là 3.933.000 đồng và 2.000.000 đồng của bị cáo mới gởi, tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt là 5.933.000 đồng.

Trước trong và sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực và đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bị cáo gây ra.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá các chứng cứ nêu trên. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trương Minh M đã phạm tội "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo M về tội "cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật hình sự là phù hợp và có căn cứ, nên cần chấp nhận.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo thực hiện hành vi là nghiêm trọng, gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo cũng biết được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, nhưng vì nóng giận và nghỉ là Q lừa đảo bị cáo nên bị cáo thấy tiền và điện thoại Q cầm trên tay nên giật ngay, bản thân bị cáo không có ý định cướp giật trước, nhất thời phạm tội, không có mục đích vụ lợi, sau khi bị phát hiện bị cáo đã giao trả lại chiếc điện thoại cho bị hại. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là trái với quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh ở địa phương. Do đó cần xử lý nghiêm đối với hành vi của bị cáo gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân tốt, thật thà khai báo, ăn năn hối cải, sau khi bị phát hiện bị cáo đã trao trả tài sản lại cho người bị hại, phạm tội chưa gây thiệt hại, việc am hiểu pháp luật còn hạn chế, nhất thời phạm tội, người bị hại xin cho bị cáo được hưởng án treo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là phù hợp.

Từ những lập luận, phân tích và đánh giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy các điều luật Viện kiểm sát đề nghị áp dụng và việc xử phạt bị cáo Trương Minh M là phù hợp, nên cần chấp nhận. Xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, từ trước đến nay bị cáo không có vi phạm pháp luật, gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế (hộ nghèo), hiện tại vợ bị cáo đang mắt bệnh suy tim không lao động nặng được, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình và có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Đã trao trả cho người bị hại xong, nên không xem xét.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Trương Minh M phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng: khoản 1 Điều 171; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Minh M** 01 (một) năm tù, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/3/2018). Giao bị cáo M cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau quản lý giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trương Minh M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau.
- Bị cáo;
- VKSND huyện T;
- CQĐT Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Thanh Nhung